

□ BÀI DỰ THI □  
TÌM HIỂU VĂN HÓA – LỊCH SỬ TỈNH ĐỒNG NAI



***Câu hỏi 1: Hãy nêu cảm nhận của bạn về tiểu sử nhân vật được chọn đặt tên đường tại địa phương phường, xã nơi bạn đang ở. Những hành động, đức tính nào của nhân vật bạn cần học tập làm theo.***

✚ ***Cảm nhận về tiểu sử của nhà văn Huỳnh Văn Bồn***

*Theo thời gian chạnh lòng tôi thăm nhớ  
Nẻo đường xa, nay hãy còn ở đó  
Cùng dẫn tôi đi qua thời thơ ấu  
Mang họ Huỳnh lừng lẫy một nhà văn*

Đó là con đường lớn nằm ở ngã ba, hướng đi vào nhà máy nước Thiện Tân, con đường gắn liền với em bao nhiêu kỉ niệm. Đến đây, khi nhắc đến con đường này, cảm xúc trong em lại ùa về, hồi nhớ lúc còn ấu thơ, con đường này dẫn theo bước chân em. Hằng ngày, trên chiếc xe đạp cũ, mẹ vẫn thường chở em đi học. Biết bao cảm xúc và những kỉ niệm mãi không thể quên đã gắn liền với con đường này. Đến nay, con đường được nhà nước đặt tên, con đường xưa chắt chứa bao kỉ niệm nay lại in dấu trong lòng em bởi nó mang tên của một văn nhân, chính là ông Huỳnh Văn Bồn. Không chỉ có những tác phẩm hay để đời mà chính cuộc đời của ông Huỳnh Văn Bồn lại là một tác phẩm sáng giá, hay nhất trong sự nghiệp văn học của ông.

❖ ***Huỳnh Văn Bồn – thời thơ ấu với những kỉ niệm mãi khắc ghi***

Ông Huỳnh Văn Bồn tên thật là Huỳnh Văn Bản, có lẽ do đồng nghĩa về từ Hán -Việt mà tên của ông được người ta quen gọi là Bồn, ông sinh ngày 7/5/1930, tại ấp Long Chiến, xã Bình Long, quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa nay là huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Ông đã ghi lại cái kỉ niệm đầy ý nghĩa lúc còn ấu thơ:

*“Cái làng Bình Long của tôi ngày xưa nghèo lắm. Tuổi thơ của tôi, từ lớp 1 đến lớp 5 bây giờ chỉ quần quanh giữa cái lòng chảo giữa cánh rừng đại ngàn (về sau là chiến khu Đ nổi tiếng).*

*Cho đến năm 1945-1947 tôi không biết, không trông thấy một tờ báo. Cho đến bây giờ thực sự tôi cũng không hiểu do đâu mà tôi sớm mơ ước trở thành nhà văn một cách quyết liệt như vậy...?”*

Có lẽ phải nói rằng, cả cuộc đời của ông là một cuộc trình đầy gian lao vất vả, nhưng cũng từ đó mà làm nên con người ông, nhờ đó mà ông trở thành một đại văn nhân, để rồi mãi đến về sau, các thế hệ đều nhớ đến một con người, một danh

nhân văn hóa, đại thi nhân của đất Đồng Nai nói riêng cũng như của đất nước nói chung.

Sau khi đã học hết lớp ba, học hết chữ trường làng, cậu bé Huỳnh Văn Bản phải ngày ngày qua sông để học trường huyện (Tân Uyên). Cả làng chỉ có vài người được học đến lớp nhất (lớp bốn bây giờ, còn gọi là *supérieur*). Đây là những năm tháng rất vất vả nhưng cũng để lại dấu ấn rất đẹp trên trang văn của Hoàng Văn Bôn. Sớm tinh mơ, cậu phải dắt trâu ra đồng cho anh cày bừa rồi mới trở về nhà mang mo cơm ra bên sông gọi đò. Đưa học trò đi học gọi là “đưa đò”. Sông Đồng Nai rộng dài, dữ tợn chứ không êm thắm, hiền hòa. Vậy nhưng ông già Hai Thô vẫn ngày hai lượt đưa đò miễn phí cho đám học trò. Trường Tân Uyên cách sông hơn ba cây số, học hai buổi sáng- chiều. Tối tối, cậu bé Bản ngồi một mình sát mé sông um tùm, “*vừa hú vừa khóc gọi đò*”. Bao vây sau lưng là rừng rậm, thú dữ, trước mặt là con sông đang dâng cao, chảy xiết. Bài học thiên nhiên thật vô giá. Chính dòng sông Đồng Nai đã giúp nhà văn Hoàng Văn Bôn vũng tay chèo lái ghi lại những thước phim chiến đấu trên biển Hòn Mê, đi dọc Trường Sơn, hành quân trên biên giới Việt Lào...

Học hết lớp năm, lấy bằng sơ học, cậu bé Huỳnh Văn Bản đã kịp làm được hai việc: một là dạy cho người chị thứ sáu học chữ để “đọc tiểu thuyết”; hai là viết tập truyện trường thiên “Hai khẩu súng lục” (bằng tiếng Pháp trình độ sơ học) mỗi tuần đều được bạn học tranh nhau “mua” đọc, thưởng thức. Ông thi vào trường Pétrus Ký (trường công tại Sài Gòn), nhưng không đậu, nên vào học trường Huỳnh Khương Ninh. Học được một năm thì quân Đồng Minh ném bom tấn công Nhật, tái chiếm Nam kỳ, các trường học ở Sài Gòn đóng cửa (1943). Cậu bé Bản giã từ trường học, khăn gói về Biên Hòa. Cách mấy quãng chợ, cách một con sông, song cậu vẫn không về quê mà tìm vào trường Nguyễn Du cầu học.

Học lớp Sư phạm được hơn một năm, qua năm 1945, quân Nhật lại đảo chính. Chiến sự nổ ra ngay trên đất Biên Hòa, trường học lại đóng cửa. Thầy trò ẩn mình trong những hầm hố ngay sau trường, sát bờ sông. Máy bay của quân đội Đồng Minh quần thảo trên sông Đồng Nai truy bắt những phân tử thân Nhật. Trong thời gian này, nhà thơ – chiến sĩ Huỳnh Văn Nghệ đã sớm nhận ra, và đi tìm cho mình lý tưởng sống, đó là khái niệm về Đảng, và hình ảnh lá cờ Đảng giấu trong nhà vệ sinh trường Pétrus Ký. Còn đối với Hoàng Văn Bôn, ông sinh ra sau Huỳnh Văn Nghệ 14 năm, sự trưởng thành của ông chính là sự kế thừa và phát huy tốt độ những giá trị sống của thời đại. Đó là những ngày cuối cùng dân ta sống trong bóng tối của kiếp nô lệ. Hoàng Văn Bôn trở về làng Bình Long, tham gia đội Thiếu niên cứu quốc. Năm đó ông mới 16 tuổi.

Đó là những kỉ niệm cũng như những khó khăn mới khởi đầu của cuộc đời Huỳnh Văn Bôn, nhìn lại chặng đường ấu thơ đầy thử thách của ông, lòng em lại

ngập tràn cảm xúc. Nhớ lại về thời ấu thơ của em, cảm giác như mình được sung sướng hơn phần nào, bởi đất nước đã đi vào thời bình, những đứa trẻ chúng em được thoải mái vui chơi, được tiếp cận với con chữ dễ dàng hơn so với hồi ấy. Đó là một niềm vui cũng như một lời nhắc nhở về công lao của tiền nhân đã đổ ra vì độc lập đất nước.

❖ **Huỳnh Văn Bôn – dấn thân vì đất nước, theo làng kháng chiến.**

Chú Từ Khiêm, người giữ miếu Long Chánh, vung dùi quật vào mặt trống, gào thét đến vỡ giọng: “Gậy ghen! Độc lập, tự do rồi bỏ bà con Bình Long mình ơi!”. Một bầu không khí tràn ngập, sáng khoải chưa từng thấy và có một không hai. Chính quyền về tay nhân dân. Dân làng Bình Long tự bầu người lãnh đạo – chính những người dân nghèo bị thúc tô, bị đánh đập, giam cầm... đứng ra làm chính quyền cách mạng.

Hoàng Văn Bôn tham gia đội Thiếu niên cứu quốc được vài tháng, sau khi cướp chính quyền thành công chuyển sang làm thư ký của Ủy ban Nhân dân xã Bình Long. Cậu học trò ngày trước học trên lưng trâu, sớm sớm chiều chiều được người làng đưa đi học, nay dùng đến cái bút cái nghiên phục vụ cách mạng. Sau đó, cậu làm thư ký của Việt Minh thôn cho đến khi quân Pháp gây hấn, đánh chiếm Biên Hòa, Tân Uyên.

Vén vẹn chưa đầy một tháng độc lập, làng Bình Long lại phải bước vào cuộc kháng chiến. Bộ máy kháng chiến cũng chính là những người bần cố nông trong làng. Lúc ấy, Chỉ huy trưởng Huỳnh Văn Nghệ đã thành lập chi đội 10 ở bên kia sông Đồng Nai. Quân Pháp nhảy vào miền Nam và tuyên bố “*bình định Nam kỳ trong vòng ba tuần lễ...*”. Đó là tham vọng của chúng trong lúc chính quyền cách mạng chưa triển khai rộng khắp và chưa thống nhất về quân đội. Thời đó, bộ đội có ở khắp nơi, nhưng lại tổ chức theo kiểu tự phát. Giáp Tết Bính Tuất, bọn giặc đã tràn đến Tân Uyên. Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam bộ ra lệnh tiêu thổ kháng chiến. Mặt trận Sài Gòn mất, Bình Lợi – Thủ Đức – Biên Hòa tan vỡ; bộ đội Nam tiến phần lớn rút về thành lập mặt trận Xuân Lộc. Tân Uyên coi như bị bỏ ngỏ. Nhưng đồng bào còn tiếc ngôi nhà, quê cha đất tổ, tiếc những ngày tháng chạp cuối năm. Vả lại, họ suốt đời sống chân lấm tay bùn cấy cấy, giờ biết đi đâu, làm gì sinh sống? Chuẩn bị tản cư, nhưng sẽ tản cư ở đâu? Chú Tám Nghệ (Huỳnh Văn Nghệ) quyết định chuyển trụ sở Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh về làng Mỹ Lộc, quê ông.

Đồng bào tản cư, sau đó là lửa. “*Xe bò, xe trâu, ô tô, gồng gánh, chát đầy gạo, đồ đạc gia đình, vừa khóc vừa lôi thôi lếch thếch đi về hướng Mỹ Lộc, Phước Vĩnh, Ông Đông – Bình Chánh... Phía sau họ, lửa đã bốc cao. Nhiều ông già, bà già quy xuống đất, lau nước mắt lẫn khói đen, tro than... Đâu đó, tiếng súng*

*trường, súng máy nổ từng chập. Trẻ con quần xà lỏn, đầu trần chạy theo cha mẹ, mắt mày nhọ nhem (...)*

*- Ráng chịu cực, con. Đi vài ngày xong giặc lại trở về... Cha mẹ chúng bảo vậy... Nào ai ngờ, phải ba chục năm sau, những người còn sống trong chuyến ra đi hôm ấy mới được trở về làng quê”.*

(Trích Tuổi thơ ngọt ngào)

Rồi cũng bắt đầu bằng hồi trống dữ dội của chú Từ Khiêm... Trưa ngày 23 tháng chạp Tàu, khi dân làng vừa tiễn ông Táo về trời, tàu Tây lù lù xuất hiện trên sông Đồng Nai, bắn phá vào các địa điểm ven sông. Vệ quốc đoàn, trong đó có Hoàng Văn Bôn, tìm mọi cách ngăn cản không cho tàu chúng cập vào bến chợ Tân Uyên, ngăn không cho giặc tràn quân lên cánh đồng quê mình. Nhưng không thể. Chúng có máy bay, tàu chiến, súng đạn tối tân, chúng đã cày nát Tân Uyên, biến dòng sông Đồng Nai thành một dòng sông máu. Cảnh tang thương diễn ra chỉ trong một ngày, một buổi. Phá nhà dân để xây bốt, dồn dân vào trại giam, đánh đập, hành hạ, cắt cổ người. Về sau, nhà văn hồi tưởng lại: *“Lần đầu tiên tôi và bà con chung quanh khóc, không hẳn khóc vì sợ Tây, sợ chết, tiếc nuôi nhà cửa, tài sản. Mà vì lần đầu tiên trong đời tôi thấy mình là một con vật trong tay chúng, mình không còn chút quyền hành nào là của mình, của một con người. Đó là lần đầu tiên tôi xa quê hương giữa lúc hai chân tôi còn đứng trên mảnh đất quê hương”* (Tuổi thơ ngọt ngào).

Nhưng không chỉ một mình Hoàng Văn Bôn bị bắt vào trại giam, mà còn có hai người anh ruột. Giặc đã giết người anh thứ năm của nhà văn. Chính Hoàng Văn Bôn đã cùng mẹ tìm được xác anh về chôn cất. Người cha qua đời vì uất ức trước cái chết của con. Thế là ra đi. *“Vừa chôn cất anh Năm xong, tôi lay má tôi ba lay báo hiếu, xin má từ nay cho tôi theo kháng chiến. Sống thế này, không sống được”* (Tuổi thơ ngọt ngào).

Tuy nhiên, câu chuyện trên không phải là phổ biến cho tất cả mọi người. Vì trong cảnh đất sôi lửa bỏng ấy, người dân hoặc là chạy vào chiến khu theo “Tướng quân” Tám Nghệ, hoặc chạy ra miệt Biên Hòa, Thủ Đức – họ trở thành những người dân thường, an phận chờ ngày hòa bình hoặc gián tiếp tham gia kháng chiến.

❖ **Huỳnh Văn Bôn – tại chiến khu D, ông khởi việc dạy học, cầm bút.**

Sự dấn thân của các nhà văn Việt Nam lúc này cũng đáng ghi vào lịch sử nhân loại. Hầu hết các nhà văn đều hướng về ngọn cờ cách mạng của Đảng với tấm lòng nhiệt thành. Đối với tầng lớp văn nghệ sĩ miền Bắc, Đảng ra đời như một sự đại ngộ, họ đang “tìm đường” và lập tức nhận ra hướng đi đúng. Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Huy Cận, Nam Cao, Nguyên Hồng – hàng trăm ngọn lửa nhỏ bùng lên thành ngọn lửa lớn, tỏa ánh sáng rực rỡ, đầy tràn khoái cảm sáng tạo và

chiến đấu. Cả thi sĩ Bích Khê vẫn cố gắng nhìn thấy lá cờ đỏ sao vàng và đoàn người cướp chính quyền thắng lợi trước khi từ giã cuộc đời. Đối với họ, có một giai đoạn “nhận đường” để đập tan bức tường thành tư tưởng cũ, dọn cho mình “đôi mắt” trong suốt, lạc quan v.v... Tất cả những vấn đề ấy dần dần định hướng cùng miền Bắc xã hội chủ nghĩa non trẻ và độc lập.

Nhưng còn miền Nam, khoảng thời gian độc lập quá ngắn ngủi, không cho phép ai do dự, tính toán. Ai lên chiến khu, ai ở lại áp chiến lược, ai vào nội ô – bao sự phân chia mà lòng dân chỉ có một. Thời ấy, bọn giặc gọi những người theo chủ nghĩa Cộng sản, những người trong phong trào dân tộc là Việt Minh. Những người trí thức học trường Tây, biết chữ Nho, đã từng đọc “Tam quốc”, “Sử ký Tư Mã Thiên” đều không khỏi đứng trước một sự lựa chọn. Thâm trầm, kín đáo, và không ít phần khổ đau. Riêng có những người như Huỳnh Văn Nghệ đã giương cao ngọn cờ cách mạng ở miền Nam, đưa trụ sở kháng chiến về làng mình, thì bộc lộ tấm lòng không chút úp mở:

*“Ai về Bắc ta về với  
Thăm lại non sông giống Lạc  
Hồng Từ độ mang gươm đi mở cõi  
Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long”*  
(Nhớ Bắc)

Ngay từ những ngày đầu kháng chiến, những con người Nam bộ đã xác định ngay con đường của mình. Đó là một sự dần dần tự giác, tự nguyện trong một bối cảnh rối ren, phức tạp. Nhà văn Hoàng Văn Bồng – thiếu niên đã thẳng một con đường đi lên chiến khu, đi kháng chiến. Ông đã trải qua gần 7 năm trời tại chiến khu Đ, làm việc ở ban Xã hội đương đầu với ba loại giặc nguy hiểm nhất: giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm.

Những người tham gia cách mạng thời bấy giờ trở thành đồng chí trên nguyên tắc tự nguyện tập hợp – tự giác hành động. Không lương, không bổng, không mần không chiếu, không thuốc sốt rét rừng, không thực phẩm dự trữ; nhưng trách nhiệm rất lớn, rất nặng nề. Dạy cho dân nghèo kháng chiến cái chữ, dựng trường học cho các em thiếu nhi. Máy bay, súng giặc phá trường, lại dựng trường khác để học. Không đủ chữ để dạy học, thì phải đi học. Từ năm 1949 đến 1951, ông được cử đi học 2 lần tại U Minh – Đồng Tháp Mười. Lần thứ nhất học trường Sư phạm Hồ Văn Long, lần thứ hai học trường trung học Bình dân. Đi để học thêm phương pháp, để lấy tài liệu. Mỗi lần đi – về mất 2, 3 tháng trời, đường xuống miền Tây, U Minh phải qua “sông bạc đầu, cầu giẫm kỹ, đồng chó ngáp”... Lại phải qua bao nhiêu đòn bót của giặc, tổn thất hy sinh vì cái chữ cái nghĩa không phải là ít. Nhớ đến thời kỳ này, nhà văn Hoàng Văn Bồng hơn một lần ví đến “Đường qua Tây Trúc”.

Gian nan, vất vả, hy sinh đến đâu, khoảng trời riêng trong xanh trong tâm hồn Hoàng Văn Bôn vẫn tỏa sáng. Đêm đêm, sau những lúc lao động cực khổ, sau cái đói, cái rét ngật nghèo giữa rừng miền Đông, ông đã viết văn dưới ánh sáng của những hột cao su xỏ xâu. Hai tập truyện “Dưới bóng dừa xiêm” và “Mây giết anh tao” viết trong những năm tháng ấy đã thất lạc. Ông viết lén lút, ngượng ngập trước sự chú ý của bạn bè đồng trang lứa. Ở cái tuổi 17, 18, những người xa nhà đi kháng chiến đã sớm trưởng thành – Hoàng Văn Bôn còn phải già dặn hơn rất nhiều trước những mối lo vật chất, tinh thần cho mình, cho đồng đội và nhất là các em học sinh.

Chính trong những năm tháng “khởi đầu” dữ dội ấy, năm 1948, Hoàng Văn Bôn được kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam. 50 năm sau, ông tự nhìn nhận: “*Bản thân tôi trong 50 năm chưa có sai sót nào để bị khiển trách, kỷ luật về Đảng...*”. Đó là niềm tự hào chân chính của một người Đảng viên, một nhà văn của nhân dân. Ông trở thành Trưởng ban giáo dục huyện Tân Uyên, được các em gọi bằng cái tên thân mật: Thầy Chín Bôn...

Năm 1952, Hoàng Văn Bôn tòng quân bộ đội chiến khu (trung đoàn 310), hành quân xuống U Minh cùng tiểu đoàn 307. Trong chuyến đi dài, vô cùng gian khổ này, nhà văn đã hoàn thành quyển tiểu thuyết “đầu tay”: *Vỡ đất*. Sau này, tiểu thuyết được trao giải nhất Văn học Cửu Long do Ủy ban kháng chiến hành chính Nam bộ và Hội văn nghệ Nam bộ trao tặng. Sách được in ra, đưa vào nội thành với cái tên bìa ngụy trang “Giọt lệ thu” để tuyên truyền. Song rất tiếc, “*Vỡ đất*” ngày nay đã thất lạc, chỉ được nghe, được biết về nó như cuốn sách mở đầu cho sự nghiệp viết văn của ông.

Nhà văn Hoàng Văn Bôn học trường lục quân Trần Quốc Tuấn (phân viện Nam bộ) tại xã Biền Bạch. Cũng tự cấp tự túc là chính, ở nhờ nhà dân, tự phát ruộng, trồng lúa. Tình quân dân, tình yêu trai gái, không khí cách mạng những năm tháng ấy tại địa đầu tổ quốc hoang sơ, dân dã đã đi vào tác phẩm “*Bông hường bông cúc*”. Tiểu thuyết này được viết đi viết lại hai lần, do lần sắp chữ thứ nhất trong rừng phải gỡ ra mang ra Bắc trong đợt tập kết, rồi hư hại hết. Nội dung xoay quanh tình yêu cô Ba Thái, con gái nhà nông tham gia kháng chiến và anh bộ đội tên Phong. Những trang viết “*Bông hường bông cúc*” tươi mát nhẹ nhàng, mang màu sắc và hương vị Nam bộ mà đến nay ta vẫn có thể tìm thấy ở sách của Hồ Biểu Chánh, Vương Hồng Sển, Bình Nguyên Lộc... và đã rất Hoàng Văn Bôn: ngôn ngữ chi tiết và tràn đầy tình cảm. Tình cảm chứ không phải là xúc cảm. Nhà văn khai thác bề sâu của nhân vật, ông thường nói đến cái tốt, cái thiện lương, lành mạnh trong tâm hồn con người. Theo thời gian, độ chín trong bút pháp của nhà văn cũng chính là tình cảm con người và cái Thiện, bao dung và trọn vẹn.

Năm 1954, sau khi hiệp định Geneve được ký kết, lực lượng cán bộ, bộ đội ở miền Nam được sắp xếp theo hai diện: một là ở lại miền Nam tiếp tục chiến đấu (nhưng không công khai), hai là ra Bắc. Ban đầu nhà văn Hoàng Văn Bôn (lúc này là chính trị viên kiêm Đại đội trưởng của phân viện) được ở lại, nhưng đến phút cuối ông và một số đồng đội được lệnh lên chuyến tàu cuối cùng ra Bắc. Thế là chỉ một chiếc ba lô, một bộ quần phục, một mái chèo trong tay, ông cùng những người anh em ấy chèo xuồng suốt đêm trong rừng U Minh để kịp lên tàu, mang trong lòng niềm hy vọng và lời hứa hẹn: Chỉ hai năm thôi. Về sau, nhà văn ghi lại trong hồi ký: Lúc ra đi, ai cũng hẹn nhau: “*hai năm*” nhưng rồi ai cũng hiểu: “*phải hai chục năm sau đầy máu và nước mắt, ai trong chúng tôi hôm nay còn sống sót, mới được trở về quê hương. Một quê hương điêu tàn, kiệt quệ, gia đình nào cũng thờ người cầm súng của hai phía*” (Một ánh sao đêm).

Chuyến tàu mang mấy ngàn con người rời quê hương miền Nam đi ra miền Bắc. Đó là một cảnh lớn, ghê gớm trong cuộc đời Hoàng Văn Bôn và những người cùng thời. Trong bụng con tàu đông chật, nôn nao không chỉ có nỗi buồn chia ly và quyết tâm đấu tranh cho độc lập tự do đất nước – mà còn học tập, quan sát và cảm nhận được bao điều lớn lao của thời đại.

❖ **Huỳnh Văn Bôn – tập kết ở miền Bắc và tiểu thuyết “Mùa mưa”**

Từ 1955 – 1957, Hoàng Văn Bôn cùng Tiểu đoàn bộ đội thông tin 132 hành quân về biên giới Lào để bắc đường dây bí mật. Đảng đã vạch ra chiến lược lâu dài, đưa đường dây dọc biên giới Việt Lào vào tận sông Bến Hải. Đây là một trong những sự chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài của dân tộc Việt Nam. Bởi đến tháng Bảy năm 1956, nếu Diệm không chịu hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, ta bắt buộc phải dùng võ trang, Bộ tổng tư lệnh sẽ rất cần đường dây bí mật này. Nhiệm vụ chính trị của tiểu đoàn là như vậy. Nhưng không ít người cảm thấy bức bối, giận dữ vô cớ. Có người muốn quăng cây cột gỗ xuống khỏi vai mình để trốn về miền Nam cầm súng chiến đấu; có người bất đồng nội bộ, “làm reo”. Trong lúc đó, cần và rất cần xây dựng quân đội chính quy, cần tập trung lực lượng, sẵn sàng đối mặt với những thủ đoạn thâm độc của giặc.

Cuộc đấu tranh tinh thần dai dẳng vô cùng: “*Mỗi hòn đá, mỗi góc cột điện, mỗi khe suối đều ghi khắc bên trong một tâm tư lo âu, một cuộc đấu tranh để chuyển mình tiến lên, về hướng đi của con đường: Quay về Nam ngay để chiến đấu trực diện cùng kẻ thù, hay đi theo con đường vòng của đường dây, chờ ngày có lệnh về Nam chiến đấu, hay bỏ thân trên xứ Bắc mà không sao gặp lại cha mẹ, vợ con, người yêu, mảnh đất quê hương? Sau này, cột điện có thể bị mối mọt, mục đổ, hoặc không còn ai dùng đến nó nữa, hoặc biến thành đường dây dân dụng... chẳng còn bộ Tổng tham mưu nào nhắc nhở tới nó nữa, nhưng với Hoàng và anh em chiến sĩ trong đại đội này, là cả một tuổi thanh xuân, cả một chặng đường đời*

*không dễ dàng gì vượt qua được như thế hệ sau này sẽ nghĩ: Làm gì có cái chuyện mù quáng, ngu dốt quái quỷ ấy? Làm gì đem tuổi thanh xuân quý như vàng mà chum vào canh bạc đường dây điện mù mờ về khoa học, về tác dụng như thế? Nếu có chiến tranh thật, tại sao lại không dùng phương tiện chỉ huy hiện đại hơn, lại bám vào cái thứ dây đồng, cái dây tài ba cổ lỗ ấy?...”* (Mùa mưa).

Chính trong việc giải quyết cụ thể những vấn đề cụ thể, từ những con người cụ thể ấy đã thể hiện tính nhân văn của chủ nghĩa cộng sản. Người chiến sĩ cộng sản như Hoàng, Chân, Bính, Sơn... đã từng bước nhận thức rõ nhiệm vụ cụ thể của mình dù đó là nỗi thương nhớ miền Nam như dao cắt, chỉ muốn vùng dậy mà đi, dù cho đó là tuổi thanh xuân, là cả cuộc đời. “*Không. Đường dây này sẽ còn mãi mãi như những mạch máu trong cơ thể họ*”.

Mốc chốt, cây cột điện cuối cùng, bè tre, sóng thác... Nếu lớp người trẻ tuổi đọc lại “Mùa mưa”, có lẽ họ suy nghĩ giống hệt suy nghĩ của Hoàng: Làm sao lại có một cuộc sống ghê gớm như vậy, làm sao có thể hoàn thành một công trình ghê gớm đến như vậy, và làm gì có chuyện ấy?... Họ đã đến cột mốc cuối cùng, đã hoàn thành nhiệm vụ, thành công và thành nhân. Họ lại viết đơn tình nguyện xin về Nam chiến đấu. Vì ở miền Nam, Ngô Đình Diệm cho lê máy chém thủ tiêu hàng loạt chiến sĩ cách mạng. Chúng đầu độc tù nhân ở Phú Lợi một cách dã man. Dân tộc, đất nước lại mang thêm một vết thương... Người con của miền tập kết lại thêm một nỗi đau quặn thắt, lòng căm thù càng lớn dậy. Và một nhà văn, lại càng bị thúc bách nặng nề hơn...

Thời gian sống và chiến đấu ở miền Bắc, Hoàng Văn Bôn đã có một loạt tác phẩm đề cập đến vấn đề tầm nhìn lịch sử, đó là: vượt thoát chiến tranh, củng cố và phát huy sức mạnh nhân dân, sự đoàn kết dân tộc... Tác phẩm mở đầu là tiểu thuyết “Mùa mưa”. Rồi sau này, “Trên mảnh đất này”, “Bầu trời mặt đất”, “Nhớ phố phường” và những ký sự nóng bỏng đã lột tả nỗi đau trong chiến tranh của con người, và sức bật, niềm tin đưa họ đến Ngày Mai.... Chúng ta làm sao quên được Ba Râu và cô Năm Đồng Nai (Trên mảnh đất này), cô Hoài, bé Giang Nùng, bà cụ Sấn Lâu (Nhớ phố phường), Hải, Tuyết, Thu, Lâm (Bầu trời mặt đất)... những con người bằng xương bằng thịt, họ cùng đi trên một con đường chung. Tình yêu và đau khổ, rồi căm vũ khí... Qua ngòi bút của nhà văn Hoàng Văn Bôn, mỗi nhân vật đều mang một khẩu khí riêng, một tầm vóc riêng vừa đại diện cho con người – nhân dân của thời đại Hồ Chí Minh, vừa thể hiện một “bản sắc” văn hóa rất riêng của mỗi vùng đất lửa.

❖ **Hoàng Văn Bôn** – hai mươi năm xông pha chiến trường và những thước phim của xưởng phim Quân đội.

Giữa năm 1960, nhà văn chào tạm biệt đời trẻ Xuân Mai, chào bạn bè cùng quê để ra Hà Nội, về Tổng cục Chính trị để thành lập Điện ảnh Quân đội (tiền thân



của Xưởng phim Quân đội). Ông viết: *“Lại thêm một bước nữa xa miền Nam”*. Lúc ấy, nghị quyết 15 của Đảng về đường lối đấu tranh giải phóng miền Nam đã ra đời. Nghe tin sư đoàn được lệnh tiến về Nam, nhà văn lại phải ở lại *“biết ngày nào mới được nhìn lại quê hương, gặp lại Má tôi, các anh, chị, em tôi?”* Nhà văn tâm niệm một điều thật giản dị nhưng rất có ý nghĩa: *“Nếu số phận đặt để như vậy, tôi sẽ viết. Viết về miền Nam, để được gặp lại, được trò chuyện bằng cái giọng cha sinh mẹ đẻ, được bước đi trên mảnh đất từng nuôi dưỡng tôi từ tấm bé”* (Một ánh sao đêm).

Thế là bắt đầu hơn 20 năm rong ruổi khắp các chiến trường, nơi những tuyến đầu đầy máu lửa, đầy áp tin thời sự và rất cần được tuyên truyền nhanh, tron vẹn và có hiệu quả. 20 năm phải đứng cao hơn cả nòng súng chiến đấu để ghi hình trận tuyến. 20 năm phải trú ẩn ngay tuyến đầu trận địa, không ngừng tìm tòi, sáng tạo để dựng nên những bộ phim tài liệu có giá trị nghệ thuật cao. Mỗi ưu tư lớn nảy sinh: Kịch bản phim và tiểu thuyết, sự mâu thuẫn giữa hai phương thức sáng tạo (một bên là kết cấu hình ảnh, một bên là kết cấu hình tượng) làm sao hóa giải được. Bắt đầu từ năm 1962, Hoàng Văn Bôn đã thai nghén một tiểu thuyết về miền đất quê hương mình, nhưng phải đến những năm 90 ông mới hoàn thành (Nước mắt già biệt). Trong hai mươi năm làm biên kịch và phụ trách biên tập tại xưởng phim Quân đội, Hoàng Văn Bôn đã cố gắng hoàn thành trọng trách của mình, đồng thời vẫn viết, như để trả nợ những chặng đường đã từng có mặt, đã từng đi qua. Ông viết ký sự, những tác phẩm này cũng góp phần khá quan trọng trong gia tài văn xuôi của ông.

Ký sự là một thể mạnh của Hoàng Văn Bôn. Trong thời gian làm việc tại xưởng phim Quân đội, ông luôn bảo vệ quan điểm: Phim tài liệu cũng cần phải có nhân vật, nhân vật vừa phải có tầm khái quát, lại vừa phải có cuộc đời riêng, diện mạo riêng. Ký sự cũng là những ghi chép về một cuộc sống rộng lớn đang diễn ra, nhưng không thể thiếu những phần tử nhỏ góp phần làm nên cuộc sống chung đó. Nhìn chung, ký sự phải là thật, thật từ con người đến bối cảnh lịch sử, nhưng không phải chỉ là sự thật của tư liệu, mà còn là sự thật của con người, của tình cảm, của khát vọng sống trong cảm nhận của nhà văn. Trong ký sự của mình, Hoàng Văn Bôn không ngần ngại đưa cái tôi vào bối cảnh.

Hai tập ký sự nổi tiếng của Hoàng Văn Bôn viết trong thời kỳ chống Mỹ là *“Hàm Rồng”* và *“Sóng Hòn Mê”* (cùng năm 1968). *“Hàm Rồng”* nổi trội hơn về hình tượng nhân vật, mang một chất sâu lắng của khung cảnh chiến trường; còn *“Sóng Hòn Mê”* lại có thể mạnh về miêu tả, tái hiện. Bút pháp tập trung trong ký sự *“Hàm Rồng”* hay việc miêu tả đầy đủ chi tiết trong *“Sóng Hòn Mê”* đều thể hiện sự trải nghiệm tron vẹn của tác giả trong cuộc chiến đấu với vai trò vừa là người chiến sĩ vừa là chứng nhân.

20 năm làm phim, sáng tác với một cường độ mạnh, gấp rút phi thường, nhà văn Hoàng Văn Bôn đã gửi lại cho xưởng phim quân đội 25 bộ phim, trong đó nhiều bộ phim dài tập. Đó không chỉ là hai mươi năm công hiến của một đời người, và còn có sự đóng góp của bạn bè, đồng chí, gia đình, có ân tình của quê hương, đất nước. Sự nghiệp làm phim của nhà văn Hoàng Văn Bôn đã được tặng nhiều giải thưởng trong và ngoài nước, 2 lần được Bộ quốc phòng tặng thưởng về thành tích làm phim quân đội. Đáng tiếc là chúng ta không có điều kiện để xem lại, điểm lại những bộ phim ấy, nhà văn chỉ còn giữ lại vài tập phác thảo rất dày của những bộ phim.

Năm 1962, nhà văn Hoàng Văn Bôn dự trại sáng tác văn nghệ quân đội. Trong không khí sáng tạo rất mạnh mẽ ấy, các nhà văn đều “thi đua” viết. Phù Thăng có “Phá vây”, Mai Vui viết “Tiến quân vào Tây Bắc”, Trúc Hà có “Trong những ngày hòa bình”... Và nhà văn Hoàng Văn Bôn đã cho ra đời tiểu thuyết “Trên mảnh đất này”. Sắp xếp ý đồ sáng tác, chuẩn bị đề cương, hoàn thành tác phẩm trong thời gian rất ngắn. Song tác phẩm này đánh dấu một độ chín muồi trong tư duy và bút pháp của nhà văn. Nếu “Vỡ đất”, “Bông hường bông cúc” tạo một ấn tượng đậm nét về cuộc sống người dân Nam bộ những ngày đầu kháng chiến, thì “Trên mảnh đất này” thành công trong cả 2 mặt: dựng nên một không gian nghệ thuật (cùng những ngày đầu kháng chiến ở quê hương Nam bộ) đa chiều, và xây dựng nhân vật điển hình. Bối cảnh ấy chính là làng quê tác giả, là dòng sông Đồng Nai nhau rún, và những con người cũng là ruột thịt thân yêu.

*“Đời nhà văn, có lẽ chỉ vui vui đôi ngày khi hoàn thành bản thảo, khi sách được in, còn sau đó là lo âu, nơm nớp, dằn vặt, tự vấn...”* (Một ánh sao đêm).

Tâm trạng phức tạp này bao hàm rất nhiều vấn đề trong cuộc đời nhà văn. Nhưng quan trọng nhất có lẽ vẫn là câu hỏi: Phải viết gì, viết như thế nào? Hơn mười lăm năm cầm bút, đã bảy tám tiểu thuyết, lại thêm những bài học rất quý giá Trường Viết văn khóa 1 Quảng Bá (1963) nhà văn Hoàng Văn Bôn vẫn không ngừng trăn trở. Nhiệm vụ của ông tại xưởng phim quân đội là một trọng trách buộc ông phải đến những tuyến lửa nóng bỏng nhất, hoàn thành kịch bản nhanh, quay phim rồi trình duyệt... Rồi lại đi... Nhớ lại, ông vẫn còn ray rứt: *“Nhiều đêm thâu, thân thờ giữa chiếc lô cốt cạnh đường Phùng Hưng, tự than thở: Tại sao cả năm không có được một trang tiểu thuyết? Chỉ có phim là phim. Phim ký sự nghệ thuật, nào có nói gì được nhiều.*

*Đành vậy. Phải làm hai thứ một lúc. Đến một nơi nào đó để làm phim, viết kịch bản trong vài ngày, giao cho đạo diễn, quay sang tìm hiểu để viết tiểu thuyết. Không cần đến máy quay phim. Không mó đến máy ảnh. Hai chục năm ở xưởng phim Quân đội, mà tôi vẫn dốt đặc nghề quay phim, nghề phó nháy. Càng tốt.*

Và từ đây, tiểu thuyết và kịch bản phim của tôi cứ được sinh đôi. Cùng thời gian, cùng địa điểm, đề tài. Ra đời với phim về Bạch Long Vĩ thì có tiểu thuyết “Nhớ phố phường”. Cùng với phim “Người Hàm Rồng” thì có ngay tập ký sự “Hàm Rồng” cùng với phim “Hòn Mê”, có liền tập ký sự “Sóng Hòn Mê” Cùng với phim “Trận đầu đánh thắng”, có tiểu thuyết “Bầu trời mặt đất”. Cùng với phim về Hải quân, có tiểu thuyết “Sóng bạc đầu”... Cùng với phim...”

Tiểu thuyết “Nhớ phố phường” viết năm 1965. Đây là tác phẩm gợi nhớ huyền thoại và những ngày quá khứ của đảo Bạch Long Vĩ, giống như tác giả gợi nhớ về huyền thoại và quá khứ của Đồng Nai thượng, Đồng Nai hạ trong nhiều tác phẩm được viết sau năm 1980 của ông. Tiểu thuyết “Sóng bạc đầu” (viết năm 1967) viết về một biên đội hải quân trên vùng biển miền Trung – Quảng Bình. Những người lính hải quân – dân quân, cả nam lẫn nữ ra trận nghênh chiến với tàu Mỹ. Tác giả đã xây dựng một tập thể nhân vật thay vì một nhân vật, một cá nhân, đồng thời vấn đề đấu tranh tư tưởng trong từng phút từng giây để hoàn thành nhiệm vụ được giao phó được đặt ra gay gắt, rất ráo hơn cả “Mùa mưa”.

“Bầu trời mặt đất” (1974) là một tiểu thuyết hoành tráng về lực lượng không quân Việt Nam, đồng thời đi vào mổ xẻ, phân tích đời sống con người trong chiến tranh, nhất là người phụ nữ. Hai chủ đề lớn này đã được tác giả xây dựng rất công phu, sau nhiều lần viết đi viết lại, xứng đáng là một tiểu thuyết hiện đại và chuẩn mực trong sự nghiệp của nhà văn (tiếc rằng tiểu thuyết này chưa được giới học thuật quan tâm). Đó là thành quả mà nhà văn Hoàng Văn Bôn “gặt hái” được từ những năm làm phim với các đơn vị không quân. Ông đã tham gia tổ làm phim không quân, làm phim tư liệu về tang lễ của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1969. Và trên chiếc trực thăng HU1A, ngày 02/5/1975 ông đã có mặt ở Dinh Độc lập để làm phim “Chiến thắng Xuân 75 lịch sử” ở cánh phía Nam (dài 8 tập) ... sau đó chỉ bay một vòng trên vùng trời quê hương Đồng Nai rồi lại trở về với nhiệm vụ của mình ở miền Bắc...

Vì sao mà trong một khoảng thời gian rất ngắn, Hoàng Văn Bôn lại có thể hoàn thành tác phẩm của mình ở một độ kết cấu vững, “an toàn” cao đến vậy? (đặc biệt, ký sự Hàm Rồng chỉ viết trong 4 ngày). Ngoài vốn sống, sự trải nghiệm, quan sát, nhập thân của tác giả, chúng ta phải bàn đến tâm thế sáng tạo của nhà văn. Giữa chiến trường đầy máu lửa, sống – chết, được – mất, đúng – sai đều bộc lộ trong một tích tắc đồng hồ. Mà mỗi con người là cả một thế giới riêng biệt, không đáy. Nhà văn không có quyền “hoài nghi” để “tồn tại”. Chỉ có thể viết ngay để khẳng định cho các lẽ phải mà ông cũng đồng đội đang tranh đấu. Nhà văn ý thức được rằng: Nếu ông hy sinh, sẽ có người cầm súng thay ông, nhưng khó có người cầm bút thay ông được. Các tác phẩm viết ngay ở chiến trường, trên hang đá cao, dưới hầm tránh bom... chính là sự giác ngộ của con người đối với chính

mình.

Có thể coi Hoàng Văn Bôn là một nhà văn cách mạng điển hình, bởi vì chúng ta có thể tìm thấy ở bất kỳ trang lịch sử văn học Việt Nam nào, một chân dung nhà văn được trui rèn trong lửa đạn và trưởng thành trong công hiến, hy sinh tương tự như cuộc đời ông. Có thể kể ra đây những nhà văn, nhà thơ như Nguyễn Tuân, Hoàng Cầm, Quang Dũng, Nam Cao, Nguyễn Thi (Nguyễn Ngọc Tấn)... Và một số nhà văn mà tên tuổi còn xa vời trong vòng kềm tỏa của Mỹ – ngụy: Vũ Bằng, Vũ Hạnh, Lý Văn Sâm, Dương Tử Giang...

#### ❖ **Huỳnh Văn Bôn** – trở về miền Nam

Những năm sống trên đất Bắc, niềm an ủi lớn nhất trong lòng nhà văn chính là tình cảm của nhóm học sinh miền Nam, những người học trò của chính ông trước năm 1954 tại Tân Uyên. Nhà văn đã từng dạy dỗ, hướng đạo cho các em trong rừng chiến khu Đ, và vẫn tiếp tục cuu mang, lo lắng khi các em học tập ở miền Bắc. Đó là cái gia đình bé nhỏ của nhà văn trong lúc cô thân. Cứ mỗi dịp hè, các em lại về quây quần bên “Thầy Chín”. Đối với ông, *“nỗi nhớ miền Nam, qua các em, được an ủi, nhắc nhở rất nhiều. Quả thật là nếu một thân một mình như dự định ban đầu, khó vượt qua được những ngày đau ốm, bế tắc trong sáng tác* (Thời kỳ Hoàng Văn Bôn viết tiểu thuyết “Mùa mưa”, ông được rời đơn vị trong 2 tháng để hoàn thành tác phẩm)... *Nỗi nhớ nhà của các em cũng được các tiểu thuyết của tôi bù đắp bằng những nhân vật bà mẹ miền Nam, bằng cách nói, ngôn ngữ miền Nam*”. Ông rất thành thật nói rằng: *“Đến trường học sinh miền Nam nào, tôi cũng được các em chào đón hết sức thân mật, niềm nở. Tôi biết: không phải vì các tác phẩm của tôi hay. Mà vì tình cảm miền Nam, ngôn ngữ miền Nam trong các sách ấy khiến các em như được sống lại ở miền Nam quê hương”* (Một ánh sao đêm)

Cuộc sống “ngày Bắc đêm Nam” kéo dài, các em mỗi ngày mỗi lớn. Trong mắt nhà văn Hoàng Văn Bôn, người đã dành nhiều tình thương và trách nhiệm cho các em, thì thật sự các em đã lớn lúc nào không biết. *“Nhiều cái tết trong những năm qua, tôi từng nôn nao khi nghe tiếng còi tàu hỏa ngoài ga Hàng Cỏ rú vang”*... Rồi đến một cái tết, ông *“lại lang thang đến thư viện Trung ương tìm Lê Công, Thanh Liêm, may ra có em học sinh miền Nam nào về đó ăn tết không?”* Niềm hạnh phúc nhỏ nhoi cũng chẳng còn trở lại nữa. *“Công đã về quê vợ ở tận Thái Nguyên ăn tết. Thanh Liêm cũng đang ăn tết ở một đoạn đường sắt nào đó. Huỳnh Văn Bình, Huỳnh Ngọc Ánh, Lê Ngọc, Bé, Hoàng Minh Đoan... mỗi đứa một nơi. Bình đang học đại học kinh tế tài chính, nhưng lại đi ăn tết với bạn nào đó. Ngọc Ánh ăn tết với chúng. Lê Hữu đang ăn tết bên đại sứ quán Việt Nam tại Trung Quốc...”* (Một ánh sao đêm).

Nhà văn Hoàng Văn Bôn lập gia đình năm 1962, năm đó ông đã ngoài 30 tuổi. Vợ ông tên Mai Quỳnh Chi, là một nhà giáo. Trong những tập hồi ký của mình, nhà văn Hoàng Văn Bôn dành nhiều trang kể về gia đình, những câu chuyện đều bình thường, giản dị như chính cuộc đời của ông vậy, nhưng vẫn có những đoạn không thể dùng lời kể được. “... *Lát lâu sau, nhà tôi mới bật tiếng khóc, rất nhỏ, nhưng như từng sợi dây thép cứa lòng tôi. Ăn ở cùng nhau đã ba mặt con, ba lần sinh nở, vượt cạn thập tử nhất sinh, chưa một lần sinh nào tôi có mặt ở nhà. Không ra mặt trận ở phía Nam vĩ tuyến 17, thì ra đảo làm phim, hoặc lên biên giới phía Bắc, sang Lào, biên giới Campuchia...*”

Người vợ, đã một mình chịu đựng, lo toan; đưa con đi sơ tán, theo trường dạy học, chăm cho con lúc ốm đau, lo những ngày không có thực phẩm, lương khô. Người chồng, cứ đi biên biệt, “*một vài lá thư gửi về vợ con ở quê nhà với lời động viên bằng nước mắt và máu: “Anh đã dối em và các con rằng anh làm phim ở phía Bắc vĩ tuyến 17. Chỉ vì, chiến tranh mà, biết thế nào hở em. Nếu, anh có lâu về, ở quê nhà, em cố tận tảo nuôi con ăn học, nên người. Mấy năm qua, anh biết em và các con rất cực khổ, thiếu thốn hơn anh nhiều lắm. Nhưng, cái bọn giặc này, chúng tàn bạo lắm, em ơi...*” Có lúc được trở về thăm gia đình, đúng lúc con đau nặng, nhà văn đến bên giường con lẩm nhẩm đọc đoạn vừa viết, và phần nào được an ủi: “*Tôi bỗng thấy những điều mình viết là có ích: Dĩ được giấc ngủ khó khăn cho cháu*”.

Thống nhất đất nước, nhà văn Hoàng Văn Bôn bôn ba trên các vùng biên giới, đất nước Campuchia đang chịu thảm họa diệt chủng 5 năm nữa, sau đó ông trở về Đồng Nai. Cả gia đình đã theo ông lên tàu vào Nam định cư ở Biên Hòa tại ngôi nhà trong xóm lò Heo, đến năm 2001 gia đình ông chuyển về cư xá Tỉnh Đội (gần Hội Cựu chiến binh tỉnh Đồng Nai).

#### ❖ **Huỳnh Văn Bôn** – sự nghiệp văn học và những tác phẩm để đời

Nhà văn Hoàng Văn Bôn xuất ngũ năm 1980 với quân hàm thiếu tá. Ông trở về “quê nội xa xôi” và công tác tại Hội văn học nghệ thuật Đồng Nai, giữ chức Phó Chủ tịch hội. Hội văn nghệ mới được thành lập 1 năm (ngày 22/12/1979), tuy còn rất non trẻ nhưng ngược lại, số nhân sự đông và hoạt động phong trào rất mạnh. Thế là, kể từ ngày đầu tiên cầm bút viết văn, đến nay ông mới “được” làm một nhà văn chuyên nghiệp. Vẫn đói, vẫn nghèo, nhưng bù lại, mọi người đều được sống trong bầu không khí đoàn kết, sáng tạo rất vui.

Trong thời gian này, Hoàng Văn Bôn viết “Miền đất ven sông”, “Khắc nghiệt” đều là những tiểu thuyết làm tiền đề cho bộ sử thi “Nước mắt già biệt” sau này của ông. Trong cơ chế mở cửa thị trường, giai đoạn đầu, sức viết của ông có phần chững lại, hai tiểu thuyết kể trên có sự lặp lại. Song đây là mảng đề tài hoàn toàn mới trong sáng tác của nhà văn: viết về con người Đồng Nai khoai củ ngay

trên mảnh đất khoai củ Đồng Nai. Đây là một bước đi mang tính đột phá so với những tiểu thuyết viết về người Nam bộ thời kỳ đầu: “Bông hường bông cúc”, “Mùa mưa”; kể cả “Trên mảnh đất này”. Không còn cái nhìn qua ống Zoom mà khoảng cách chính là sự xa cách, những hoài nhớ, kỷ niệm, mà là sự hòa tan, vấy vùng trong máu thịt quê hương.

Đến năm 1991, theo chính sách của nhà nước, các Hội văn nghệ trên cả nước tự giải thể, mỗi Hội chỉ còn được giữ lại 3 biên chế. Nhà văn Hoàng Văn Bồn cùng với một số anh em tự rút lui, “để dành” biên chế cho những người trẻ tuổi hơn. Tại Hội VHNT Đồng Nai, ông đã kinh qua các chức vụ: Phó Chủ tịch, rồi Chủ tịch Hội. Đến năm 2001, ông được bầu là Chủ tịch danh dự của Hội VHNT Đồng Nai. Ông còn là uỷ viên của Liên hiệp Các hội VHNT Việt Nam nhiều năm liền (từ 1980 đến 2001).

Nhà văn Hoàng Văn Bồn nhận nhiệm vụ Giám đốc Nhà xuất bản Đồng Nai năm 1991. Ông tâm sự: đó là quãng thời gian thử thách cam go không kém gì thời chiến, bởi Nhà xuất bản đứng trước thử thách của cơ chế kinh tế thị trường, nhưng không vì thế mà bỏ quên nhiệm vụ chính trị và những thôi thúc trong tâm hồn. Đây là giai đoạn ông hoàn thành được những sáng tác tâm huyết nhất, đúng bản chất nhất của nhà văn xứ Đồng Nai “khoai củ” (như ông tự nhận). Nếu những tác phẩm được sáng tác ở Hàm Rồng, Hòn Mê được viết từ một quãng đời sung sức của ông, thì những tác phẩm sau này được viết bằng sự trải nghiệm của cả cuộc đời ông.

Có thể kể ra đây những quyển tiêu biểu trong giai đoạn này: bộ tiểu thuyết sử thi “Nước mắt già biệt” (4 tập), ba cuốn hồi ký “Tuổi thơ ngọt ngào”, “Một ánh sao đêm”, “Ngôi sao nhớ ai”, tập truyện ngắn “Người điên kể chuyện người điên”, tập ghi chép đồ sộ: “Vũ trụ”, và một loạt truyện thiếu nhi: “Về quê nội”, “Đội quân Hoa và cỏ”...

Tập “Vũ trụ” chia ra làm bốn phần: Thế thái – Nhân tình – chuyện đời – chuyện đạo. Dường như tựa sách phản ánh nỗi lòng thâm kín của tác giả là được nói lên mọi điều về thời đại mình, thế hệ mình, việc làm của mình và niềm đam mê số một: viết văn. Tập ghi chép, hồi ức chứa quá nhiều nỗi niềm ưu tư, cho thấy một “tuổi già” đã xuất hiện, trở thành một sự thử thách ghê gớm đối với nhà văn.

“Nước mắt già biệt” được coi là bộ tiểu thuyết sử thi, gồm 4 tập, đã được giải thưởng của Bộ Quốc phòng. Bộ sách ghi lại những diễn biến tình yêu và các mối quan hệ gia đình, xóm làng, đồng đội... trải dài từ ngày Nam bộ kháng chiến cho đến khi chấm dứt chiến tranh Biên giới Tây Nam năm 1979. Nhà văn Hoàng Văn Bồn đã tái hiện những sự kiện lớn trong cuộc chiến tranh cách mạng của miền Nam được bắt đầu từ một làng quê, chính là làng Bình Long (Bình Lợi sau này),

trải dài qua chiến khu Đ, ra miền Bắc... với nhiều tuyến nhân vật chính diện, phản diện. Đây cũng là quyển sách tập hợp nhiều nhân vật tiêu biểu nhất trong hệ thống tác phẩm của ông, với sự hiện diện của Sáu Nở, Thiện, Ngô Kỳ Hồng, Ngô Kỳ An, Hồng Loan, Hương, Bằng, Việt, Từ Khiêm v.v...

Nhà văn Hoàng Văn Bôn bước vào tuổi bảy mươi với tác phẩm “Lượm cái hoa rơi”, một kiểu viết giống “Nhớ gì ghi nấy” của Nguyễn Công Hoan, “Đọc đường gió bụi” của Tô Hoài hay “Tuổi già” của Sơn Nam. Trong tập sách này, ông viết những điều đã cũ, có khi lặp lại chính ông, nhưng lại ẩn tàng những rung động mới đối với cuộc đời. Khoảng thời gian ông hay kể lại là đêm: Đêm Phú Quốc, Đêm ở xã Trần Hợi... Đêm như là cuộc tri ngộ, đêm của nỗi cô đơn, sự suy tưởng. Những năm cuối đời, mặc dù bệnh nặng, ông cũng cố gắng hoàn thành tiểu thuyết cuối cùng: *Nhớ người xưa* mang tính hoài nhớ và dự báo nhiều vấn đề về bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng con người mới trong thời kỳ đổi mới của đất nước. Qua quyển tiểu thuyết này, ông muốn khẳng định những giá trị của lịch sử, của con người Việt Nam trước những biến động của thời cuộc. Có thể nói, những tác phẩm của Hoàng Văn Bôn, đặc biệt là một số ký sự viết rải rác những năm 1979 – 1981, 1988 – 1991 là một “vũ trụ nghệ thuật” mới, báo hiệu một sự đổi mới trong bút pháp nhà văn: thâm trầm, sâu kín hơn, giàu chất thơ hơn.

Cũng trong giai đoạn 1988 – 1991, nhà văn đã xuất bản một số tác phẩm có đề tài chống tiêu cực, xuất phát từ thực tế có những vụ án lớn, gây hậu quả nghiêm trọng về kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng tỉnh nhà (Tình đời đen bạc, Phía sau vành móng ngựa...) Tuy nhiên, những tác phẩm này của ông ít được nhắc tới. Đây cũng là một mảng sáng tác của nhà văn Hoàng Văn Bôn mà chúng ta cần quan tâm tìm hiểu.

Nhà văn Huỳnh Văn Bôn qua đời vào ngày 12/05/2016. Ông được nhà nước và các hiệp hội trao nhiều giải thưởng danh dự. Đặc biệt, tên ông được đặt cho một con đường ở phường Tân Biên – Thành phố Biên Hòa (theo Nghị quyết số 63/2012/NQ-HĐND ngày 06/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 07/3/2013 của UBND Tỉnh Đồng Nai). Đây là con đường dài khoảng 7km, nối giữa thành phố Biên Hòa với huyện Vĩnh Cửu, quê hương ông.

### **Những đức tính và hành động của nhà văn Huỳnh Văn Bôn mà em cần học tập và làm theo**

Cả cuộc đời nhà văn chính là tấm gương sáng cho em học tập và làm theo. Ông đã một đời cống hiến, hi sinh vì đất nước, gắn bó với cách mạng và một đời dành cho niềm đam mê lớn nhất.

Ông đã sẵn sàng nghe theo tiếng gọi của Tổ quốc, sẵn lòng ra đi vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ông đã tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, với cách

mạng và sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ quê hương. Ông là một đảng viên gương mẫu, luôn khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ mình được giao phó. Hành động cao đẹp này của ông không chỉ để lại cho em nhiều bài học cũng như lòng kính trọng mà còn là bia đá khắc ghi mãi muôn đời, cho các thế hệ mai sau. Là sinh viên năm nhất, em cũng cần phải ra sức học tập, cố gắng rèn luyện bản thân, để trở thành những công dân có ích cho đất nước, góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ngày càng phát triển hơn.

Suốt cả cuộc đời, Huỳnh Văn Bồn chỉ có một niềm đam mê theo đuổi, đó là văn chương. Bên cạnh việc cho ra những tác phẩm để đời, những dòng chữ đi vào lòng người, ông còn là một người đồng chí, đồng đội hết lòng vì đất nước, vì sự nghiệp chung, gia đình... xứng đáng là tấm gương sáng để chúng ta noi theo.

*“Chỉ có viết, không có cách nào khác”*. Nhà văn Hoàng Văn Bồn nói về đời mình như thế. Mặc dù *“Làm người, khó lắm. Làm người cách mạng càng khó. Làm người Đảng viên cách mạng, khó trăm bề...”*. Có một điều cốt yếu là ông đã dấn thân, đã bắt tay vào làm tận tâm tận lực, chưa một lần từ nan... Thời gian đã khẳng định được điều này khi ông nằm xuống, với những cống hiến trong sáng tác cũng như đóng góp của ông trong đời sống tinh thần của nhân dân cả nước nói chung, Đồng Nai nói riêng...

✚ *Một số hình ảnh của nhà văn Huỳnh Văn Bồn*



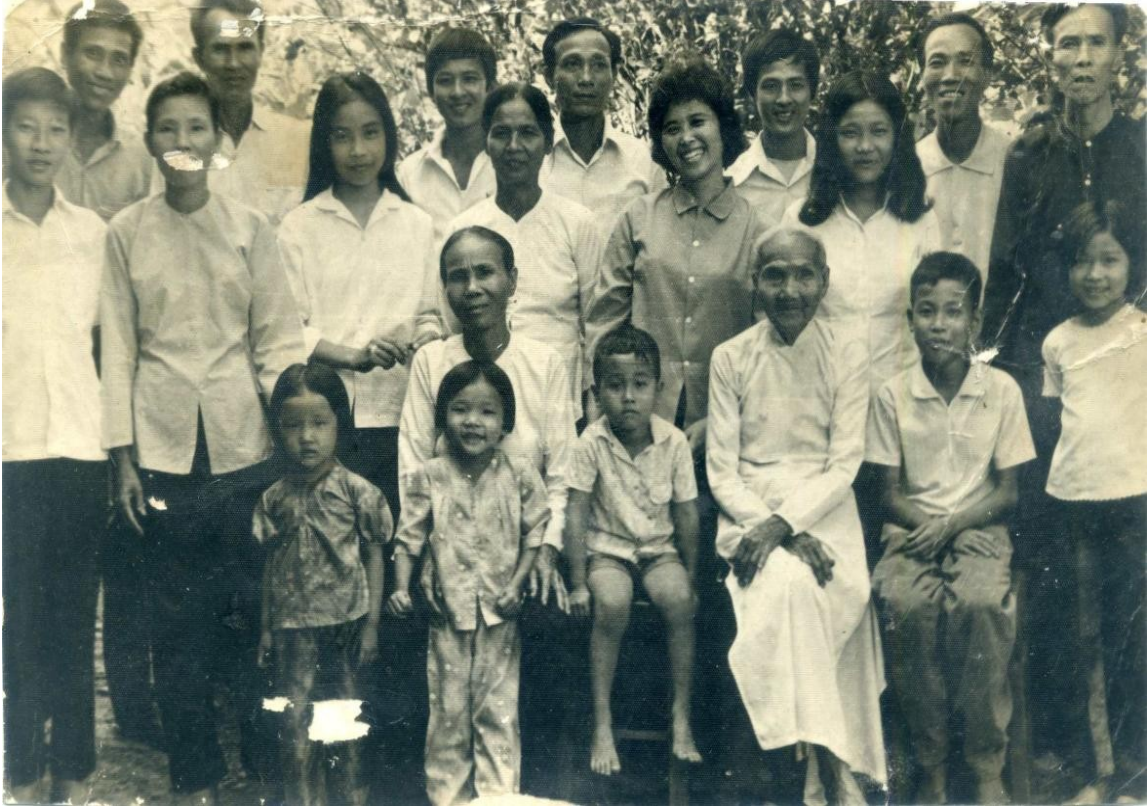
**H.1-2.** Nhà văn Huỳnh Văn Bồn tại rừng U Minh (1953) trong thời gian viết tiểu thuyết “Vỡ đất” và thời kì làm biên tập, biên kịch tại xưởng phim Quân đội.





*H.3.* Nhà văn tại vườn trẻ La Hanava (Cuba)





H.4-5. Gia đình nhà văn Huỳnh Văn Bồn năm 1980 , họp mặt gia đình và học trò khi trở về Đồng Nai



H.6. Nhà văn Hoàng Văn Bồn và nhà văn Nguyễn Đình Thi – Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam



H.7. Nhà văn Hoàng Văn Bồn và nhà văn Lý Văn Sâm -Phó Tổng thư ký Hội liên hiệp VHNT Việt Nam, Chủ tịch Hội VHNT tỉnh Đồng Nai khóa I (ảnh chụp tại mộ nhà thơ Huỳnh Văn Nghệ)



H.8. nhà văn trên chiếc xe đạp quen thuộc (đã được đưa vào Bảo tàng Đồng Nai sau khi nhà văn mất)



**H.9.** (Từ trái sang) các nhà văn Nguyễn Khải, Hoàng Văn Bôn, Trần Mạnh Hảo, văn Nguyễn Đức Thọ (nguyên Phó Chủ Xuân Sách; ảnh chụp tại Hội VHNT Đồng Nai)  
**H.10.:** Nhà văn Hoàng Văn Bôn và nhà văn Nguyễn Đức Thọ (nguyên Phó Chủ Xuân Sách; ảnh chụp tại Hội VHNT Đồng Nai)



**H.11.** Ra mắt tập san Dưới mái trường

**H.12.** Với họa sĩ Nguyễn Nam Ngữ, Chủ tịch Hội VHNT Đồng Nai khóa III, IV



**H.13.** Trong vai trò Chủ tịch đoàn Đại hội lần III, Nhà văn Hoàng Văn BỔn được bầu là Chủ tịch Danh dự.



**H.14.** Nhà văn Hoàng Văn BỔn và vợ (nhà giáo Mai Quỳnh Chi)



**H.15.** Phút suy tư của nhà văn Hoàng Văn Bôn tại ngôi nhà cũ (xóm Lò Heo, tỉnh Nghệ An, nhà văn Lý Văn Biên Hòa)

**H.16.** Bên kia sông là quê hương của thi nhân Huỳnh Văn Nghệ, nhà văn Lý Văn Sâm... (ghi chú ảnh của chính nhà văn)



**H.17.** Đại diện Hội VHNT, Nhà xuất bản Đồng Nai, xã Bình Lợi và trường viếng mộ nhà văn sinh trường Tiểu học Bình Lợi

**H.18.** Bà Mai Quỳnh Chi thay mặt gia đình trao tặng sách và học bổng cho học sinh trường Tiểu học Bình Lợi



**H.19.** Một số tác phẩm đã in của nhà văn Hoàng Văn Bôn. (Ảnh nhỏ: 03 tác phẩm đạt Giải thưởng Nhà nước)



**H.20.** Người viết tại phòng làm việc cũ của nhà văn Hoàng Văn Bồn (Hội VHNT Đồng Nai)



**H.21.** Người viết và bà Mai Quỳnh Chi (vợ của nhà văn Hoàng Văn Bồn)

***Câu hỏi 2: Hãy tường thuật sự kiện lịch sử trên địa bàn Đồng Nai mà bạn tâm đắc nhất trong kháng chiến chống Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam.***

Sự kiện lịch sử mà em tâm đắc nhất trong kháng chiến chống Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam là trận đánh phục kích diệt gọn trung đội bảo an ở cây số 129 quốc lộ 20 của huyện Định Quán ngày 30-1-1975.

Trận phục kích của đại đội 9 huyện Định Quán là một trong những trận đánh hay, biết tạo cơ, kéo địch ra diệt theo ý định phương án của ta. Tổ chức chu đáo, chỉ huy sáng tạo, chiến đấu dũng cảm diệt gọn trung đội bảo an đi giải tỏa giao thông ngày 30-1-1975, thu toàn bộ vũ khí. Nhân dân rất phấn khởi tin tưởng, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng ở địa phương phát triển. Lập thành tích chào mừng ngày thành lập Đảng (3-2-1930 – 3-2-1975).

#### ❑ **Tình hình giữa ta và địch**

Trận địa phục kích được chọn tại Km 129 nằm trên quốc lộ 20 (Sài Gòn - Đà Lạt). Hằng ngày giao thông thông suốt, bình thường hai chiều lên xuống. Điểm chọn làm trận địa, từ km 127 đến km 130 hai mép đường là đồng cỏ xen kẽ ruộng, tiếp đến là rừng, rất thuận tiện cho việc giấu ém quân, bí mật cơ động đánh địch và rút lui an toàn. Chỉ có một khó khăn là nền đất nhiều sỏi đá, phải khắc phục khi đào công sự. Trận địa phục kích được chọn tại Km 129 nằm trên quốc lộ 20 (Sài Gòn - Đà Lạt).



Hằng ngày giao thông thông suốt, bình thường hai chiều lên xuống. Điểm chọn làm trận địa, từ km 127 đến km 130 hai mép đường là đồng cỏ xen kẽ ruộng, tiếp đến là rừng, rất thuận tiện cho việc giấu ém quân, bí mật cơ động đánh địch và rút lui an toàn. Chỉ có một khó khăn là nền đất nhiều sỏi đá, phải khắc phục khi đào công sự.

Tình hình quân địch lúc bấy giờ, trên đoạn đường 9 km chúng đóng 3 đồn, quân số đông gồm 3 đại đội bảo an, 1 trung đội nghĩa quân trang bị mạnh, có hai khẩu 105mm. Đó là chưa tính lực lượng dân vệ, thanh niên chiến đấu, nguy quyền, an ninh ấp xã... Khi đồn bị tấn công, chúng có thể cứu viện bằng bộ binh hoặc pháo binh. Khi bị ách tắc giao thông trên quốc lộ 20, bằng mọi giá chúng phải giải tỏa. Nhưng, từ sau hiệp định Paris đến tháng 1-1975 các đồn bót trên đều bị lực lượng ta đánh từ 1 đến 2 lần. Tư tưởng binh lính địch hoang mang, cầu an, trừ bọn chỉ huy ác ôn.

Về phía ta, lúc ấy, Khu vực phục kích đánh địch không có dân ở. Về hướng tây nam từ km 125 - 126 có dân. Tại đây có cơ sở đảng bí mật, nắm được dân. Phía bắc có ấp Ngọc Lâm, km 131, 132 ở đây có bót do một trung đội dân vệ đóng. Còn lực lượng quân ta, vào tháng 5-1973 thực hiện quyết định của Tỉnh ủy Bà Rịa -Long Khánh tách huyện Xuân Lộc - Định Quán thành hai huyện là Xuân Lộc và Định Quán đại đội 9 về huyện Định Quán quân số 17 đồng chí, do đồng chí Đinh Công Tâm làm đại đội trưởng. Tháng 4-1974 được bổ sung 30 tân binh từ miền Bắc vào quân số lúc đó gồm 50 đồng chí trang bị mạnh (B40, B41, AK, M79) được huấn luyện trình độ kỹ chiến thuật được nâng cao rõ rệt. Đến tháng 10-1974 tỉnh Tân Phú được thành lập, huyện Định Quán thuộc tỉnh Tân Phú.

Trải qua gần 2 năm xây dựng và chiến đấu (từ tháng 5-1973 đến tháng 12- 1974) dưới sự lãnh đạo của huyện ủy và ban chỉ huy quân sự huyện được nhân dân đùm bọc nuôi dưỡng, đơn vị đã chiến đấu hàng chục trận, diệt hàng trăm tên địch. Đơn vị trưởng thành về mọi mặt, cán bộ chiến sĩ đoàn kết phấn khởi lại được tin tỉnh Phước Long tỉnh đầu tiên ở miền Nam hoàn toàn giải phóng (6-1975). Cán bộ chiến sĩ càng quyết tâm tư tưởng sẵn sàng chiến đấu. Giữa tháng 1-1975 đơn vị tổ chức mừng công năm 1975. Đơn vị được thưởng Huân chương chiến công hạng 3.

Khí thế mới quyết tâm mới đơn vị sẵn sàng nhận nhiệm vụ lập thành tích mừng ngày thành lập Đảng 3-2.

#### ❑ Công tác chuẩn bị của ta

Về tư tưởng chỉ đạo, nhận được lệnh của cấp trên, quân và dân ta nghiêm

túc, chu đáo, bí mật, đánh thắng.

Về chiến thuật, ta tiến hành tìm cách tạo cơ kéo địch ra, phục kích diệt chúng ở Km 129 trên quốc lộ 20. Đơn vị cử 6 đồng chí trang bị đầy đủ, giả dạng du kích, do đồng chí Nguyễn Văn Bé - trung đội trưởng chỉ huy. 17 giờ ngày 24-1 từ cứ hành quân bám địch, đến 20 giờ 30 ra quốc lộ 20. Tổ đồng chí Bé đã chặt cây chuối kết thành một khối vật cản giao thông đặt tại Km127 có nguy trang một đoạn dây điện (như có mìn gài). Sau đó toàn tổ nghỉ, chờ sớm hôm sau quan sát phản ứng của địch đối với khối vật cản giao thông. Sáng 25-1-1975, lúc 6 giờ 30 tại đồn bảo an ở Km 134 cho một trung đội khoảng 18-20 tên hành quân ra hiện trường. Qua khỏi bót Ngọc Lâm ở Km 131, chúng rẽ xuống đi cách mép đường về phía đông nam từ 60-80m. Cách vật cản chừng 100-120m, chúng dùng M79, M72 bắn phá ban vật cản rồi cho lính thận trọng đến tháo gỡ (lúc này từ Km 127 đến Km 130 không có người và phương tiện đi lại). Khai thông xong, chúng chúng trở về đồn. Cự ly lúc đi cũng như lúc về mỗi tên cách nhau 3-5m, súng cầm tay sẵn sàng nhả đạn. 10 giờ 30, anh em về cứ báo cáo. 15 giờ 30 các đồng chí đại đội trưởng, chính trị viên, trung đội trưởng, tiểu đội trưởng, cải trang như dân thường ra trận địa khảo sát cách hành quân và phá vật cản của địch, đồng thời quyết định luôn phương án phục kích đánh địch tại thực địa (Km 129). Ngày 26-1-1975 hội nghị chi bộ quyết định thông qua phương án tác chiến - đánh phục kích ở đoạn Km 129 - vào ngày 30-1-1975. Sau đó hội nghị quân chính triển khai nhiệm vụ cụ thể.

Về chuẩn bị lực lượng, quân ta có 19 người tham gia chiến đấu, được trang bị hai khẩu B41 mỗi khẩu 4 quả đạn, 1 B40, mỗi khẩu 5 quả đạn, 12 AK, mỗi khẩu 4 băng đạn và 1 máy PRC-25. Đội hình phục kích chia làm 3 tổ, bố trí ở phía đông nam quốc lộ 20, đối diện với đoạn giữa Km 129, cụ thể như sau:

- Tổ chặn đầu: 6 đồng chí do đồng chí Nguyễn Tấn Danh, chính trị viên đại đội chỉ huy, trang bị 1 B41, 4 AK, 1 M79, bố trí cách mặt đường chừng 80m có nhiệm vụ nổ súng chặn đầu và cũng là hiệu lệnh của trận đánh.
- Tổ chính diện: 7 đồng chí do đồng chí Đinh Công Tâm đại đội trưởng chỉ huy, trang bị 1 B41, 5 AK, 1 cối 60mm, và một máy PRC-25 bố trí cách mặt đường 100m và cách xa tổ khoá đầu 50m có nhiệm vụ khi tổ khoá đầu nổ súng, xông lên chia cắt đội hình địch.
- Tổ khoá đuôi: 6 đồng chí do đồng chí Thành chính trị viên phó đại đội chỉ huy, trang bị 1 B40, 1 M79, 4 AK, bố trí cách mặt đường 110m, và cách tổ chính diện 60m, có nhiệm vụ khi tổ chặn đầu nổ súng thì cùng tổ chính diện xông lên, không cho chúng tháo lui để tiêu diệt.

Về công tác an toàn, đảm bảo, mỗi tổ đem theo hai cái võng, mỗi người một

băng cá nhân, cơm nước đủ dùng một ngày, nếu có thương binh sĩ tử, khi rút sẽ đưa về căn cứ giải quyết.

#### □ **Diễn biến trận đấu**

+ Giai đoạn triển khai lực lượng

17 giờ 30 ngày 29-1-1975, từ cứ xuất phát theo thứ tự các tổ: chặn đầu, chính diện, khoá đuôi, người cách người 5-7m, tổ cách tổ 25-30m. 19 giờ đến khu vực trận địa, kiểm tra sục sạo triển khai đào công sự. Cùng lúc cử 5 đồng chí đi đắp vật cản nhulần trước ở giữa km 127. 21 giờ xong.

22 giờ hoàn thành công sự, nguy trang chu đáo. Cán bộ đi kiểm tra và hiệp đồng chiến đấu tại chỗ. Sau đó bộ đội ăn cơm, canh gác.

Mật khẩu: Hỏi *Chiến*, đáp *Thắng*.

4 giờ ngày 30-1-1975 bộ đội ăn cơm sáng.

4 giờ 30 tất cả vào vị trí chiến đấu. Chỉ huy đi kiểm tra lần cuối, động viên toàn đơn vị.

+ Giai đoạn chiến đấu

6 giờ 50 xuất hiện một trung đội nghĩa quân khoảng 15-18 tên. Từ bót Ngọc Lâm ở km 131 cặp theo quốc lộ 20 về hướng đông nam, cách lề đường từ 6-8m hướng về vật cản ở km 127 (đi ngoài kế hoạch chiến đấu của đơn vị). Khi đến km 130, 129 chúng bắn nhiều loạt đạn về phía trận địa, nhưng đồng chí chỉ huy nhận định không có dấu hiệu bị lộ trận địa. Trước tình hình ấy, đại đội trưởng đến gặp chính trị viên, hội ý, quyết định đánh bọn nghĩa quân lúc chúng trở về. Đội hình bố trí không thay đổi mà chỉ đổi tổ khoá đuôi thành tổ chặn đầu và ngược lại.

Đúng 7 giờ, đại đội trưởng, chính trị viên về vị trí chiến đấu, chưa kịp phổ biến cho anh em thì xuất hiện 1 trung đội bảo an đã đến giữa km 130 hướng về phía vật cản đi canh mép đường 70-80m (đi đúng phương án chiến đấu). Bởi có trung đội nghĩa quân đi trước nên chúng có phần chủ quan. Khi còn cách tổ chặn đầu 6-7m, chính trị viên hạ lệnh, lập tức anh em đồng loạt nổ súng, diệt tại chỗ 3 tên, trong đó có tên mang máy truyền tin PRC-25. Số còn lại hốt hoảng chạy dạt về gò mồi chống cự, nhưng các tổ đã xông lên dũng mãnh diệt thêm 15 tên nữa. Còn lại 3 tên nữa cố sống cố chết chạy ra quốc lộ 20 tẩu thoát nhưng tổ khoá đuôi đã dồn đánh chúng.

Trong khi nổ súng đánh trung đội bảo an, đồng chí đại đội trưởng lệnh cho khẩu cối 60mm và 1 B41, 1 M79 vận động bắn vào trung đội nghĩa quân ngăn không cho chúng quay lại cứu nguy cho trung đội bảo an. Quả nhiên, bọn nghĩa quân đã tháo chạy về đồn Phú lộc. 7 giờ 10', trận đánh kết thúc, cả pháo binh và bộ binh địch không kịp phản ứng vì tên truyền tin bị diệt ngay từ đầu.

6 giờ 40, khi bộ đội ta đã rút ra xa, trên đường về căn cứ, địch ở Đakai mới bắn pháo về hướng trận địa.

#### ❑ **Kết quả**

Sau gần 8 phút chiến đấu, ta diệt gọn trung đội bảo an đi giao tỏa giao thông, gồm 21 tên, trong đó có 20 tên chết và bị thương, 1 tên bị bắt giải thích chính sách khoan hồng của Mặt trận rồi tha tại chỗ, thu toàn bộ vũ khí gồm 16 M16, 2 M79, 1 Colt 45, 1 máy PRC-25 và một số đạn. Quân ta bị thương nhẹ. Ta đã tiêu thụ 5 quả B41,

#### ❑ **Ý nghĩa**

Cổ vũ và động viên quân và dân địa phương, nhất là nhân dân ở vùng địch kiểm soát. Với đơn vị, đánh thắng trận này đã nâng cao trình độ kỹ chiến thuật, vun đắp thêm truyền thống quyết chiến quyết thắng của đơn vị. Thiết thực kỷ niệm lần thứ 45 ngày thành lập Đảng (3-2-1975).

#### ❑ **Ưu điểm và bài học kinh nghiệm**

+ Ưu điểm:

Chấp hành mệnh lệnh nghiêm túc, xây dựng quyết tâm chính xác, tổ chức cụ thể chu đáo. Biết tạo cơ kéo địch ra mà diệt theo ý định của ta. Biết chỉ huy linh hoạt, bộ đội chiến đấu dũng cảm, thắng nhanh, diệt gọn triệt để, giữ nghiêm kỷ luật. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên giao.

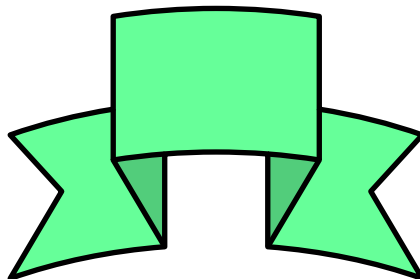
+ Bài học kinh nghiệm

*Khôn khéo tạo cơ buộc địch phải ra mà diệt, biết chọn trận địa bí mật, bất ngờ, đánh theo phương án ta đã cài sẵn, giành thắng lợi.* Quán triệt sâu sắc và nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ trên giao, chỉ huy đại đội 9 xây dựng quyết tâm chiến đấu chính xác, kế hoạch sát đúng. Biết địch cơ cạm bẫy bị tiêu diệt nhưng buộc phải giải tỏa vì quốc lộ 20 là con đường huyết mạch cả khu vực. Ta đắp mô vật cản làm theo kiểu du kích để lừa và tạo cho địch chủ quan khinh suất. Tổ chức quan sát kỹ hành động trên cơ sở ấy chọn trận địa sử dụng bố trí lực lượng gọn, hợp lý mạnh, hiệp đồng chặt chẽ. Triệt để giữ bí mật bất ngờ khi nổ súng đồng loạt xông lên tiêu diệt địch làm cho trận đánh thắng nhanh diệt gọn.

*Thường xuyên chăm lo làm tốt công tác động viên chính trị tư tưởng.* Xác định công tác chính trị tư tưởng là một nội dung quan trọng lãnh đạo chỉ huy đại đội 9 thường xuyên quan tâm chăm lo giáo dục bồi dưỡng nâng cao ý chí quyết tâm chiến đấu cho cán bộ chiến sĩ. Đoàn kết tốt, kỷ luật nghiêm và luôn sẵn sàng chiến đấu, đã đánh là chiến thắng là một truyền thống của đơn vị. Trong trận này, toàn bộ đơn vị ra quân với khí thế tung bừng kỷ niệm ngày thành lập Đảng, với lòng biết ơn vô hạn, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng nên trận đánh đã thắng lợi trọn vẹn.

Theo lời kể của đồng chí Đinh Công Tâm, nguyên đại đội trưởng và Nguyễn Tấn Danh nguyên chính trị viên đại đội 9 huyện Định Quán.

□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□



- ✚ Theo ban tuyên giáo tỉnh Đồng Nai
- ✚ Theo báo Đồng Nai và thư viện Đồng Nai
- ✚ Theo trang báo “MỚI” , bài viết về nhà văn Huỳnh Văn Bôn cùng một số tác phẩm
- ✚ Theo lịch sử lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai, tài liệu về cuộc kháng chiến chống Mỹ